

III CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1 ĐĂNG KÝ KỸ THUẬT TÀU BIỂN

3.1.1 Quy định chung

Tất cả các tàu biển dự định mang cấp của Đăng kiểm đều phải được kiểm tra đăng ký theo các quy định ở 3.1.2 dưới đây.

3.1.2 Đăng ký kỹ thuật tàu biển

- 1 Tàu biển sẽ được đăng ký vào “Sổ đăng ký kỹ thuật tàu biển Việt Nam” (trong Quy chuẩn này gọi tắt là Sổ đăng ký tàu biển) sau khi được Đăng kiểm kiểm tra phân cấp và trao cấp.
- 2 Sổ đăng ký kỹ thuật phải có các thông tin sau: cấp tàu, dấu hiệu bổ sung, tên tàu, hồ hiệu, cờ (quốc tịch), chủ tàu, công dụng, số phân cấp, số IMO, số đăng ký hành chính, tổng dung tích, kích thước chính, máy chính, năm, nơi đóng, vật liệu thân tàu và các thông tin cần thiết khác như mạn khô mùa hè, số lượng và kích thước miệng khoang hàng v.v...
- 3 Sau khi bị rút cấp, tàu sẽ bị xóa tên khỏi Sổ đăng ký tàu biển. Nếu được kiểm tra phân cấp lại, thì tàu sẽ được tái đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển.

3.2 ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN PHÂN CẤP

3.2.1 Giấy đề nghị kiểm tra

1 Kiểm tra phân cấp

Việc kiểm tra phân cấp sẽ được Đăng kiểm thực hiện sau khi nhận được Giấy đề nghị của chủ tàu hoặc nhà máy đóng tàu.

2 Kiểm tra duy trì cấp

Việc kiểm tra chu kỳ để duy trì cấp sẽ được Đăng kiểm thực hiện sau khi nhận được Giấy đề nghị kiểm tra của chủ tàu, thuyền trưởng hoặc đại diện của chủ tàu.

3.2.2 Giấy chứng nhận phân cấp

1 Giấy chứng nhận phân cấp tạm thời và Giấy chứng nhận phân cấp

- (1) Đăng kiểm sẽ cấp cho tàu Giấy chứng nhận phân cấp tạm thời có hiệu lực như quy định ở -2(3) dưới đây, nếu tàu đã được đăng kiểm viên kiểm tra phân cấp phù hợp các quy định của Quy chuẩn này;
- (2) Đăng kiểm sẽ cấp Giấy chứng nhận phân cấp cho tàu phù hợp với quy định ở 2.1.1 Phần 1A Mục II của Quy chuẩn;
- (3) Đăng kiểm sẽ xác nhận vào Giấy chứng nhận phân cấp để công nhận tính hiệu lực của Giấy chứng nhận này sau khi đăng kiểm viên kết thúc việc kiểm tra hàng năm hoặc kiểm tra trung gian và xác nhận tàu thỏa mãn các quy định của Quy chuẩn này;
- (4) Đăng kiểm sẽ cấp Giấy chứng nhận phân cấp cho tàu sau khi tàu đã hoàn thành đợt kiểm tra định kỳ, phù hợp với quy định 2.2.1 Phần 1A Mục II của Quy chuẩn, nếu đăng kiểm viên xác nhận thỏa mãn các quy định của Quy chuẩn này.

2 Hiệu lực của Giấy chứng nhận phân cấp và Giấy chứng nhận phân cấp tạm thời

- (1) Giấy chứng nhận phân cấp có hiệu lực trong thời hạn không quá 5 năm tính từ ngày hoàn thành kiểm tra phân cấp hoặc kiểm tra định kỳ. Giấy chứng nhận phân cấp có thể được kéo dài thời gian hiệu lực đến 5 tháng, tính từ ngày kết thúc kiểm tra định kỳ, nếu tàu đã được kiểm tra định kỳ theo quy định của Quy chuẩn với kết quả thỏa mãn các yêu cầu của Đăng kiểm hoặc có thể được kéo dài trong khoảng thời gian được phép hoãn, nếu được Đăng kiểm đồng ý hoãn ngày kiểm tra định kỳ phù hợp với quy định của Quy chuẩn này;
- (2) Giấy chứng nhận phân cấp được kéo dài thời gian hiệu lực theo quy định ở (1) trên sẽ mất hiệu lực sau khi Đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận phân cấp mới;
- (3) Giấy chứng nhận phân cấp tạm thời chỉ có hiệu lực với thời hạn tối đa là 5 tháng, tính từ ngày cấp Giấy chứng nhận đó. Giấy chứng nhận phân cấp tạm thời sẽ mất hiệu lực khi Giấy chứng nhận phân cấp được cấp;

- (4) Giấy chứng nhận phân cấp tạm thời và Giấy chứng nhận phân cấp sẽ bị mất hiệu lực trong các trường hợp nêu tại 3.4.3 Mục III này của Quy chuẩn.

3.2.3 Giấy chứng nhận khả năng đi biển

- 1 Tất cả những tàu mang cờ Quốc tịch Việt Nam, nếu thỏa mãn tất cả các yêu cầu/ quy định của Quy chuẩn này và các Quy chuẩn liên quan khác, cũng như các yêu cầu của công ước quốc tế mà tàu phải áp dụng (đối với tàu chạy tuyến quốc tế) thì tàu sẽ được Đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận khả năng đi biển.
- 2 Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận khả năng đi biển không được vượt quá thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận phân cấp, Giấy chứng nhận cấp theo luật quốc gia và/hoặc các Giấy chứng nhận cấp theo công ước quốc tế (nếu có áp dụng), thời hạn kiểm tra chu kỳ tới và/hoặc thời hạn mà Đăng kiểm yêu cầu tàu phải được kiểm tra xác nhận lại trạng thái kỹ thuật sau khi đã khắc phục các tồn tại và khuyến nghị của Đăng kiểm, lấy thời hạn nào ngắn nhất.

3.2.4 Giấy chứng nhận duy trì cấp tàu và các giấy chứng nhận khác

- 1 Nếu có yêu cầu, Đăng kiểm sẽ cấp cho chủ tàu hoặc người đại diện chủ tàu Giấy chứng nhận duy trì cấp tàu để chứng nhận về việc cấp tàu được duy trì.
- 2 Nếu có yêu cầu, Đăng kiểm sẽ cấp cho chủ tàu hoặc người đại diện chủ tàu Giấy chứng nhận về các hạng mục được đăng ký trong Sổ đăng ký kỹ thuật tàu biển.

3.3 KIỂM TRA VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THEO CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VÀ LUẬT QUỐC GIA

3.3.1 Quy định chung

- 1 Đối với các tàu mang cờ quốc tịch Việt Nam, theo ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đăng kiểm tiến hành kiểm tra và cấp các giấy chứng nhận phù hợp với các công ước quốc tế và luật hiện hành của Việt Nam.
- 2 Đối với các tàu mang cờ của nước ngoài và mang cấp của Đăng kiểm, khi được Chính phủ của nước mà tàu mang cờ quốc tịch ủy quyền, Đăng kiểm cũng sẽ tiến hành kiểm tra và cấp hoặc lập báo cáo để cấp các giấy chứng nhận theo các công ước quốc tế và luật hiện hành của quốc gia mà tàu mang cờ quốc tịch cho các tàu này.
- 3 Ngoài ra, đối với các tàu mang cờ quốc tịch của nước ngoài và mang cấp của Đăng kiểm nước ngoài, nếu có ủy quyền của Chính phủ của nước mà tàu mang cờ, Đăng kiểm có thể tiến hành kiểm tra và cấp hoặc lập báo cáo để cấp các giấy chứng nhận theo các công ước quốc tế và Luật quốc gia mà tàu mang cờ quốc tịch cho các tàu này.
- 4 Các kiểm tra nêu trên không thuộc phạm vi của kiểm tra phân cấp, mặc dù phạm vi của chúng có thể có phần trùng nhau và có thể được tiến hành kiểm tra vào cùng thời gian với kiểm tra phân cấp hoặc duy trì cấp tàu.

3.3.2 Giấy chứng nhận và hiệu lực của giấy chứng nhận

- 1 Giấy chứng nhận theo công ước quốc tế

Trong 3.3 này, thuật ngữ "Giấy chứng nhận theo công ước quốc tế" có nghĩa là các giấy chứng nhận sau đây được cấp theo quy định của các công ước quốc tế, bao gồm cả các giấy chứng nhận phù hợp, phải được lưu giữ trên tàu:

- (1) Giấy chứng nhận mạn khô quốc tế;
- (2) Giấy chứng nhận an toàn kết cấu tàu hàng;
- (3) Giấy chứng nhận an toàn trang thiết bị tàu hàng;
- (4) Giấy chứng nhận an toàn vô tuyến điện tàu hàng;
- (5) Giấy chứng nhận an toàn tàu hàng;
- (6) Giấy chứng nhận an toàn tàu khách;
- (7) Giấy chứng nhận miễn giảm;
- (8) Giấy chứng nhận quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do dầu gây ra;
- (9) Giấy chứng nhận quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do nước thải;
- (10) Giấy chứng nhận quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do chất lỏng độc chở xô gây ra;
- (11) Giấy chứng nhận phù hợp quốc tế về chở xô khí hóa lỏng;
- (12) Giấy chứng nhận phù hợp quốc tế về chở xô hóa chất nguy hiểm;
- (13) Giấy chứng nhận sự phù hợp với Bộ luật quản lý an toàn quốc tế về khai thác tàu an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm (ISM Code), bao gồm các Giấy chứng nhận sau đây:

QCVN 21: 2015/BGTVT

- (a) Giấy chứng nhận sự phù hợp;
- (b) Giấy chứng nhận quản lý an toàn;
- (c) Giấy chứng nhận sự phù hợp tạm thời;
- (d) Giấy chứng nhận quản lý an toàn tạm thời.

- (14) Giấy chứng nhận quốc tế về đảm bảo an ninh tàu và Giấy chứng nhận quốc tế về đảm bảo an ninh tàu tạm thời;
- (15) Giấy chứng nhận phù hợp để vận chuyển hàng nguy hiểm ở dạng đóng gói hoặc dạng rắn chở xô;
- (16) Giấy chứng nhận quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm không khí;
- (17) Giấy chứng nhận phù hợp cho hệ thống chống hà của tàu;
- (18) Giấy chứng nhận dung tích quốc tế;
- (19) Giấy chứng nhận quốc tế về sử dụng hiệu quả năng lượng;
- (20) Giấy chứng nhận lao động hàng hải và Giấy chứng nhận lao động hàng hải tạm thời;
- (21) Giấy chứng nhận phù hợp theo Bộ luật quốc tế về vận chuyển hàng rời rắn bằng đường biển;
- (22) Giấy chứng nhận phù hợp quản lý nước dẫn.

2 Quan hệ giữa các Giấy chứng nhận theo công ước quốc tế và phân cấp tàu

- (1) Các Giấy chứng nhận theo công ước quốc tế sau đây có thể được cấp cho những tàu mang cấp hoặc dự định mang cấp của Đăng kiểm như sau:
 - (a) Giấy chứng nhận mạn khô quốc tế;
 - (b) Giấy chứng nhận an toàn kết cấu tàu hàng;
 - (c) Giấy chứng nhận phù hợp quốc tế về chở xô khí hóa lỏng;
 - (d) Giấy chứng nhận phù hợp quốc tế về chở xô hóa chất nguy hiểm;
 - (e) Giấy chứng nhận phù hợp để vận chuyển hàng nguy hiểm ở dạng đóng gói hoặc dạng rắn chở xô;
 - (f) Giấy chứng nhận phù hợp theo Bộ luật quốc tế về vận chuyển hàng rời rắn bằng đường biển.
- (2) Giấy chứng nhận theo công ước quốc tế sau đây có thể được cấp cho các tàu có lắp đặt thiết bị sau đây được Đăng kiểm kiểm tra hoặc dự định được Đăng kiểm kiểm tra:
 - (a) Thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm
 - (i) Giấy chứng nhận quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do dầu gây ra;
 - (ii) Giấy chứng nhận quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do nước thải;

- (iii) Giấy chứng nhận quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do chất lỏng độc chở xô gây ra;
 - (iv) Giấy chứng nhận quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm không khí;
 - (v) Giấy chứng nhận phù hợp quốc tế về chở xô hoá chất nguy hiểm;
 - (vi) Giấy chứng nhận quốc tế về sử dụng hiệu quả năng lượng;
 - (vii) Giấy chứng nhận phù hợp quản lý nước dằn.
- (b) Trang bị an toàn
- Giấy chứng nhận an toàn trang thiết bị tàu hàng;
- (c) Thiết bị vô tuyến điện
- Giấy chứng nhận an toàn vô tuyến điện tàu hàng;
- (d) Hệ thống chống hà
- Giấy chứng nhận phù hợp cho hệ thống chống hà của tàu.
- (3) Đối với tàu hàng, Giấy chứng nhận an toàn tàu hàng có thể được cấp thay thế cho các Giấy chứng nhận sau được cấp riêng lẻ theo các quy định tương ứng (1)(b), (2)(b) và (2)(c) nêu trên.
- Giấy chứng nhận an toàn kết cấu tàu hàng;
 - Giấy chứng nhận an toàn trang thiết bị tàu hàng;
 - Giấy chứng nhận an toàn vô tuyến điện tàu hàng.
- (4) Đối với tàu khách, Giấy chứng nhận an toàn tàu khách có thể được cấp cho các tàu khách được Đăng kiểm phân cấp hoặc dự định được Đăng kiểm phân cấp.
- (5) Khi cần thiết, Đăng kiểm có thể cấp các Giấy chứng nhận miễn giảm liên quan đến các Giấy chứng nhận đưa ra ở (1)(a), (1)(b), (2)(b) và (2)(c), (3), và (4).

3.3.3 Hiệu lực của Giấy chứng nhận theo công ước quốc tế

- 1 Hiệu lực của các Giấy chứng nhận theo công ước quốc tế do Đăng kiểm cấp được quy định theo loại Giấy chứng nhận dưới đây, trừ khi có quy định khác của nước mà tàu mang cờ:
- (1) Giấy chứng nhận mạn khô quốc tế: không quá 5 năm;
 - (2) Giấy chứng nhận an toàn kết cấu tàu hàng: không quá 5 năm;
 - (3) Giấy chứng nhận an toàn trang thiết bị tàu hàng: không quá 5 năm;
 - (4) Giấy chứng nhận an toàn vô tuyến điện tàu hàng: không quá 5 năm;
 - (5) Giấy chứng nhận an toàn tàu hàng: không quá 5 năm;
 - (6) Giấy chứng nhận an toàn tàu khách: không quá 1 năm;
 - (7) Giấy chứng nhận miễn giảm: Giống như các Giấy chứng nhận theo Công ước tương ứng;
 - (8) Giấy chứng nhận quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do dầu gây ra: không quá 5 năm;

QCVN 21: 2015/BGTVT

- (9) Giấy chứng nhận quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do nước thải: không quá 5 năm;
- (10) Giấy chứng nhận quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do chất lỏng độc chờ xô gây ra: không quá 5 năm;
- (11) Giấy chứng nhận phù hợp quốc tế về chờ xô khí hoá lỏng: không quá 5 năm;
- (12) Giấy chứng nhận phù hợp quốc tế về chờ xô hoá chất nguy hiểm: không quá 5 năm;
- (13) Giấy chứng nhận sự phù hợp với Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (ISM Code)
 - (a) Giấy chứng nhận sự phù hợp: không quá 5 năm;
 - (b) Giấy chứng nhận quản lý an toàn: không quá 5 năm;
 - (c) Giấy chứng nhận sự phù hợp tạm thời: không quá 12 tháng;
 - (d) Giấy chứng nhận quản lý an toàn tạm thời: không quá 6 tháng.
- (14) Giấy chứng nhận quốc tế về đảm bảo an ninh tàu và Giấy chứng nhận quốc tế về đảm bảo an ninh tàu tạm thời:
 - (a) Giấy chứng nhận quốc tế về đảm bảo an ninh tàu: không quá 5 năm;
 - (b) Giấy chứng nhận quốc tế về đảm bảo an ninh tàu tạm thời: không quá 6 tháng.
- (15) Giấy chứng nhận phù hợp để vận chuyển hàng nguy hiểm ở dạng đóng gói hoặc dạng rắn chờ xô: không quá 5 năm;
- (16) Giấy chứng nhận quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm không khí: không quá 5 năm;
- (17) Giấy chứng nhận quốc tế về sử dụng hiệu quả năng lượng: không quá 5 năm;
- (18) Giấy chứng nhận lao động hàng hải và Giấy chứng nhận lao động hàng hải tạm thời
 - (a) Giấy chứng nhận lao động hàng hải: không quá 5 năm;
 - (b) Giấy chứng nhận lao động hàng hải tạm thời: không quá 6 tháng.
- (19) Giấy chứng nhận phù hợp theo Bộ luật quốc tế về vận chuyển hàng rời rắn bằng đường biển: không quá 5 năm;
- (20) Giấy chứng nhận phù hợp quản lý nước dằn: không quá 5 năm.

Ghi chú:

- Các Giấy chứng nhận dung tích quốc tế và Giấy chứng nhận phù hợp cho hệ thống chống hà của tàu: không ấn định thời hạn;
- Trong trường hợp đặc biệt, Đăng kiểm có thể gia hạn hiệu lực của các giấy chứng nhận cấp theo công ước quốc tế phù hợp với các quy định của Công ước theo hướng dẫn của quốc gia mà tàu mang cờ quốc tịch.

2 Duy trì hiệu lực của giấy chứng nhận

Để duy trì hiệu lực của các giấy chứng nhận theo công ước quốc tế do Đăng kiểm cấp, tàu phải được Đăng kiểm tiến hành kiểm tra và các giấy chứng nhận phải được xác nhận theo quy định của các công ước quốc tế.

3.4 RÚT CẤP VÀ MẤT HIỆU LỰC CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN PHÂN CẤP

3.4.1 Rút cấp

- 1 Đăng kiểm sẽ rút cấp và thông báo việc rút cấp tàu cho chủ tàu khi:
 - (1) Chủ tàu yêu cầu;
 - (2) Tàu không còn sử dụng được nữa (tàu đã bị thải loại hoặc bị chìm v.v...);
 - (3) Theo báo cáo của đăng kiểm viên, tàu không thỏa mãn các yêu cầu kiểm tra như quy định ở 2.2 Phần 1A Mục II của Quy chuẩn và được Đăng kiểm chấp nhận;
 - (4) Tàu không được đưa vào kiểm tra như quy định ở 2.2 Phần 1A Mục II của Quy chuẩn;
 - (5) Lệ phí kiểm tra không được trả theo quy định.
- 2 Trong trường hợp -1(4) hoặc -1(5) ở trên, Đăng kiểm sẽ thông báo đình chỉ hiệu lực của các Giấy chứng nhận phân cấp hoặc treo cấp tàu.

3.4.2 Phân cấp lại

Chủ tàu có thể yêu cầu đăng ký phân cấp lại cho tàu đã bị rút cấp, theo trình tự, thủ tục như phân cấp lần đầu. Cấp của tàu sẽ được Đăng kiểm quyết định sau khi kiểm tra trạng thái kỹ thuật hiện tại và xem xét đến những đặc điểm của tàu và thiết bị vào lúc tàu bị rút cấp.

3.4.3 Mất hiệu lực của Giấy chứng nhận phân cấp

- 1 Giấy chứng nhận phân cấp sẽ tự mất hiệu lực khi:
 - (1) Tàu bị rút cấp như nêu ở 3.4.1-1 trên;
 - (2) Sau khi tàu bị tai nạn mà Đăng kiểm không được thông báo để tiến hành kiểm tra bất thường tại cảng xảy ra tai nạn hoặc tại cảng đầu tiên mà tàu tới (trong trường hợp tàu bị tai nạn trên biển);
 - (3) Tàu được hoán cải về kết cấu hoặc có thay đổi về máy móc, thiết bị nhưng không được Đăng kiểm đồng ý hoặc không thông báo cho Đăng kiểm;
 - (4) Sửa chữa các hạng mục nằm trong các hạng mục thuộc sự giám sát của Đăng kiểm nhưng không được Đăng kiểm chấp nhận hoặc không có Đăng kiểm giám sát;
 - (5) Tàu hành hải với chiều chìm vượt quá chiều chìm do Đăng kiểm ấn định cho từng điều kiện hành hải hoặc tàu hoạt động với các điều kiện không tuân theo các yêu cầu đối với cấp được trao hoặc các điều kiện hạn chế đã quy định;
 - (6) Các yêu cầu riêng trong đợt kiểm tra tàu lần trước, mà yêu cầu đó là điều kiện để trao cấp hoặc duy trì cấp không được thực hiện trong thời gian quy định;
 - (7) Chủ tàu không thực hiện các quy định về kiểm tra duy trì cấp tàu;
 - (8) Tàu ngừng hoạt động trong thời gian quá ba tháng, trừ trường hợp dừng tàu để sửa chữa theo yêu cầu của Đăng kiểm.

3.5 QUẢN LÝ HỒ SƠ

3.5.1 Các hồ sơ do Đăng kiểm cấp

1 Hồ sơ thiết kế

- (1) Hồ sơ thiết kế được duyệt, bao gồm các bản vẽ và các tài liệu như quy định ở Chương 2 Phần 1B và các Phần liên quan (nếu có yêu cầu), kể cả Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế, bản ấn định mạn khô, bản số liệu dung tích;
- (2) Các tài liệu/Hướng dẫn kỹ thuật được duyệt.

2 Hồ sơ kiểm tra phân cấp và duy trì cấp tàu

- (1) Đăng kiểm sẽ cấp hồ sơ kiểm tra cho tàu sau khi đã kết thúc các nội dung kiểm tra phân cấp hoặc kiểm tra duy trì cấp như nêu ở 2.1.1 và 2.2 Phần 1A Mục II của Quy chuẩn, bao gồm cả các biên bản kiểm tra/thử (làm cơ sở cho việc cấp các giấy chứng nhận liên quan), các giấy chứng nhận, kể cả giấy chứng nhận vật liệu và các sản phẩm công nghiệp/thiết bị lắp đặt lên tàu;
- (2) Các quy định ở 3.5.2-1 (trừ quy định ở 3.5.2-1(2)(b) và 3.5.2-1(3)) dưới đây phải được áp dụng đối với Hồ sơ kiểm tra.

3.5.2 Quản lý hồ sơ

1 Lưu giữ, cấp lại và trả lại giấy chứng nhận

- (1) Thuyền trưởng có trách nhiệm lưu giữ Giấy chứng nhận phân cấp hoặc Giấy chứng nhận phân cấp tạm thời trên tàu và phải trình cho Đăng kiểm khi có yêu cầu;
- (2) Chủ tàu hoặc thuyền trưởng phải yêu cầu Đăng kiểm cấp lại ngay Giấy chứng nhận phân cấp hoặc Giấy chứng nhận phân cấp tạm thời khi:
 - (a) Các Giấy chứng nhận này bị mất hoặc bị rách nát;
 - (b) Nội dung ghi trong các Giấy chứng nhận này có thay đổi.
- (3) Chủ tàu hoặc thuyền trưởng phải trả lại ngay cho Đăng kiểm Giấy chứng nhận phân cấp tạm thời sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận phân cấp theo quy định ở 3.2.2-1(2) Mục III này hoặc đã quá 5 tháng, tính từ ngày cấp Giấy chứng nhận phân cấp tạm thời và phải trả lại ngay Giấy chứng nhận phân cấp cũ nếu Giấy chứng nhận phân cấp đã được cấp theo quy định ở 3.2.2-1(4) Mục III này hoặc được cấp lại, làm lại theo (2) nêu trên, trừ trường hợp Giấy chứng nhận đó bị mất;
- (4) Chủ tàu hoặc thuyền trưởng phải trả lại ngay cho Đăng kiểm Giấy chứng nhận phân cấp hoặc Giấy chứng nhận phân cấp tạm thời khi tàu đã bị rút cấp theo quy định ở 3.4.1-1 Mục III này;
- (5) Chủ tàu hoặc thuyền trưởng phải trả lại ngay cho Đăng kiểm Giấy chứng nhận phân cấp hoặc Giấy chứng nhận phân cấp tạm thời khi đã bị mất mà tìm lại được, sau khi nhận Giấy chứng nhận được cấp lại theo (2) ở trên.

2 Lưu giữ hồ sơ kiểm tra

Tất cả hồ sơ do Đăng kiểm cấp cho tàu phải được lưu giữ và bảo quản trên tàu. Các hồ sơ này phải được trình cho Đăng kiểm xem xét khi có yêu cầu.

3 Bảo mật

Tất cả các hồ sơ do Đăng kiểm cấp cho tàu (bộ lưu giữ tại Đăng kiểm) sẽ được Đăng kiểm bảo mật và không cung cấp bất kỳ bản tính/ bản vẽ/thuyết minh/nội dung chi tiết nào (kể cả bản sao của chúng) cho bất kỳ ai khi chưa có sự đồng ý trước của Chủ tàu, trừ trường hợp đặc biệt do yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3.6 THỦ TỤC THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ, KIỂM TRA VÀ CHỨNG NHẬN

3.6.1 Thủ tục thẩm định thiết kế, kiểm tra và chứng nhận tàu biển

Thủ tục thẩm định thiết kế, kiểm tra và chứng nhận tàu biển thỏa mãn các yêu cầu của Quy chuẩn này được thực hiện theo các điều 9a, 9b, 9c của Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT được bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 32/2011/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3.6.2 Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế đối với các hệ thống, máy, thiết bị

1 Trình tự thực hiện

- (1) Cơ sở thiết kế hoàn thiện hồ sơ thiết kế theo quy định và nộp hồ sơ thiết kế cho Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- (2) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ thiết kế, kiểm tra thành phần hồ sơ thiết kế: nếu hồ sơ thiết kế chưa đầy đủ thành phần theo quy định thì trả lời bằng văn bản hướng dẫn Cơ sở thiết kế hoàn thiện lại; nếu hồ sơ thiết kế đầy đủ thành phần theo quy định thì viết Giấy hẹn thời gian trả kết quả;
- (3) Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện thẩm định thiết kế: nếu hồ sơ thiết kế chưa đạt yêu cầu thì lời bằng văn bản cho Cơ sở thiết kế để bổ sung, sửa đổi; nếu hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.

2 Cách thức thực hiện

Cơ sở thiết kế nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua Fax, Email.

3 Quy định về hồ sơ thiết kế

- (1) Thành phần hồ sơ, bao gồm: 01 giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu ở -9 dưới đây và 03 tài liệu thiết kế (bản chính).

Khối lượng, nội dung tài liệu thiết kế được quy định tại Quy chuẩn này phải được trình bày theo các quy định hiện hành;

- (2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4 Thời hạn giải quyết

Thời gian thẩm định thiết kế và cấp Giấy chứng nhận hoặc thông báo hồ sơ thiết kế không đạt yêu cầu chậm nhất trong vòng 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp thiết kế kiểu mới hoặc phức tạp, thời gian thẩm định thiết kế phải kéo dài, Cơ quan Đăng kiểm thẩm định thiết kế sẽ thỏa thuận với Cơ sở thiết kế.

5 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

6 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Kết quả thực hiện hành chính là hồ sơ thiết kế được thẩm định và Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế (theo mẫu TK 04, Phụ lục 24 của Thông tư số 15/2013/TT-BGTVT ngày 26 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

7 Yêu cầu, điều kiện thẩm định thiết kế

Hồ sơ thiết kế phải thoả mãn các yêu cầu của Quy chuẩn này.

8 Phí và lệ phí

Mức phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

9 Mẫu giấy đề nghị thẩm định thiết kế

Mẫu giấy đề nghị thẩm định thiết kế được lập với các nội dung như nêu ở Phụ lục của Mục này.

PHỤ LỤC - Mẫu giấy đề nghị thẩm định thiết kế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

Số:....., ngày:.....

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Cơ sở thiết kế:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Tên/ký hiệu thiết kế:

Các thông số và đặc tính cơ bản:

.....
.....
.....
.....
.....

Quy chuẩn kỹ thuật/Tiêu chuẩn áp dụng:

Chủ sử dụng thiết kế:

Cơ sở chế tạo:

Số lượng chế tạo:

Người đề nghị

(Ký tên & đóng dấu)